

Bản án số: 110/2022/DS-ST
Ngày 22 - 7 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Công Đoàn.

Ông Nguyễn Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 224/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp Tân T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bà Trần Thị Trúc L, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp Tân T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn:

1. Bà Trần Thị L1, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp Tân T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Ông Lê Văn T, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp Tân T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3. Anh Lê Bảo Ng, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp Tân T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

4. Anh Lê Đức A, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp Tân T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông N, bà L trình bày:

Trước đây không nhớ rõ ngày tháng năm, vợ chồng ông bà có cho ông T, bà L1 vay tiền gốc 160.000.000 đồng, giao tiền 02 lần, lần đầu 140.000.000 đồng, lần hai 20.000.000 đồng, lãi suất thời gian đầu 1.000.000 đồng/tháng/100 triệu, sau đó do lãi suất Ngân hàng tăng nên thỏa thuận 2.000.000 đồng/tháng/100 triệu, bị đơn cũng đồng ý. Quá trình vay bị đơn không trả đủ lãi nhưng ông, bà không nhớ trả bao nhiêu, ông bà có yêu cầu bị đơn trả gốc nhưng bị đơn không trả, do đó có nhập lãi vào tiền nợ gốc. Mỗi lần giao dịch đều có làm giấy nợ nhưng do khi nhập lãi vào nợ gốc nhiều lần nên không còn giữ giấy cũ, lần gần nhất có làm giấy nợ vào ngày 22/02/2022 âm lịch với tổng số tiền là 316.800.000 đồng, ông bà xác định trong số tiền 316.800.000 đồng có 160.000.000 đồng tiền gốc, còn lại 156.800.000 đồng là tiền lãi. Nay ông bà yêu cầu bị đơn trả số tiền nêu trên cho ông bà.

Tại bản tự khai ngày 30/6/2022 nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện với nội dung yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc là 160.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 01/2018 đến ngày xét xử theo mức lãi suất nhà nước quy định.

Bị đơn bà L1 trình bày:

Trước đây không nhớ ngày tháng năm (cách đây hơn 04 năm), bà có vay của nguyên đơn 110.000.000 đồng, nhận 02 lần, không nhớ cụ thể từng lần nhận tiền, tiền lãi mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng/100 triệu, bà có đóng lãi nhưng không đầy đủ, bà không nhớ đóng lãi được bao nhiêu, thời gian không đóng lãi đủ thì nguyên đơn yêu cầu bà trả tiền gốc, nếu không trả thì nguyên đơn nhập lãi vào nợ gốc, do không có tiền trả nên bà đồng ý. Sau đó hai bên có làm giấy nợ vào ngày 22/02/2022 âm lịch.

Nay bà thống nhất số tiền còn nợ nguyên đơn là 316.800.000 đồng trong đó nợ gốc là 110.000.000 đồng, còn lại là tiền lãi, bà đồng ý cùng ông T và Đức A trả số nợ trên, tuy nhiên do điều kiện khó khăn nên xin trả dần nợ gốc trước.

Bị đơn anh Ng trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của mẹ anh là bà L1, đồng ý cùng bà L1, ông T và Đức A trả khoản nợ nêu trên cho nguyên đơn.

Bị đơn anh Đức A trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của mẹ anh là bà L1, đồng ý cùng bà L1, ông T và anh Ng trả khoản nợ nêu trên cho nguyên đơn.

Đối với ông T, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T và anh Đức A không có ý kiến gì, không tham gia hòa giải và xét xử.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn thống nhất số tiền gốc bị đơn vay là 110.000.000 đồng, yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc nêu trên và yêu cầu tiền lãi tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là 04 năm 06 tháng theo quy định là 20%/năm, không đồng ý yêu cầu trả dần tiền gốc của bị đơn. Quá trình vay bị đơn có trả lãi nhưng không nhớ số tiền cụ thể.

Bị đơn bà L1 đồng ý trả nợ gốc và lãi theo yêu cầu của nguyên đơn, thống nhất thời gian tính lãi là 04 năm 06 tháng, do điều kiện khó khăn nên xin trả dần số

tiền gốc trước. Quá trình vay có trả lãi nhưng không nhớ số tiền cụ thể bao nhiêu, không yêu cầu gì đối với số tiền lãi đã trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Lê Văn T, anh Lê Bảo Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền nợ gốc là 110.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm, do đó được xác định là nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, việc thay đổi không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[4] Về nội dung:

[4.1] Xét yêu cầu trả tiền nợ gốc là 110.000.000 đồng, thấy rằng: Theo giấy nợ ngày 22/02/2022 thể hiện bị đơn có nợ nguyên đơn tổng số tiền 316.800.000 đồng, tại phiên tòa nguyên đơn thống nhất trong số tiền trên có 110.000.000 tiền gốc nên yêu cầu bị đơn trả số tiền này. Quá trình giải quyết vụ án bà L1, anh Ng, anh Đức A thừa nhận có nợ số tiền như nguyên đơn yêu cầu và đồng ý thanh toán. Đối với ông T, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật, được chấp nhận.

[4.2] Xét yêu cầu trả tiền lãi từ ngày 01/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là 04 năm 06 tháng. Tại phiên tòa, bà L1, anh Đức A thống nhất mức lãi suất, thời gian tính lãi theo nguyên đơn yêu cầu, đối với tiền lãi đã đóng không yêu cầu xem xét. Xét thấy các đương sự thỏa thuận mức lãi suất phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử xác định số tiền lãi như sau: $110.000.000 \text{ đ} \times 20\%/\text{năm} \times 04 \text{ năm } 06 \text{ tháng} = 99.000.000 \text{ đồng}$. Như vậy số tiền lãi mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 99.000.000 đồng.

[4.3] Đối với yêu cầu của bà L1 xin được trả dần nợ gốc trước, nguyên đơn không đồng ý, xét thấy do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số nợ trên là phù hợp, do đó không chấp nhận yêu cầu trả dần của bà L1.

[5] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc các bị đơn phải liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 209.000.000 đồng, trong đó nợ gốc: 110.000.000 đồng, nợ lãi: 99.000.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu là: 5.225.000 đồng.

(Bị đơn có đơn xin giảm án phí nên được xem xét giảm 50%).

Nguyên đơn không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại toàn bộ.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh N và bà Trần Thị Trúc L.

Buộc ông Lê Văn T, bà Trần Thị L1, anh Lê Bảo Ng, anh Lê Đức A liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh N và bà Trần Thị Trúc L số tiền 209.000.000 đồng (hai trăm lẻ chín triệu đồng).

Kể từ ngày ông N, bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T, bà L1, anh Ng, anh Đức A chậm thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng ông T, bà L1, anh Ng, anh Đức A còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Thanh N và bà Trần Thị Trúc L không phải chịu, hoàn trả lại cho ông N, bà L 7.920.000 đồng (bảy triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012548 ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

- Ông Lê Văn T, bà Trần Thị L1, anh Lê Bảo Ng, anh Lê Đức A phải chịu 5.225.000 đồng (năm triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng), (chưa nộp).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

